

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHUNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT CƠ BẢN - KHÓA ITA.39B
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: A3

Thời gian: 18h30 - Ngày 29/9/2018 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Nguyễn Thị Vân	Anh	21/03/1996	Đà Nẵng	K21KKT3	2120257265	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,9	Tám, chín	
2	Nguyễn Thành	Công	10/01/1997	TT Huế	K21PSUQTH1	2121217950	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, năm	
3	Nguyễn Tiến	Diễn	12/01/1996	Quảng Bình	K21QTH6	2121219009	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, năm	
4	Cao Thị Kim	Dung	15/01/1997	Đà Nẵng	K21DLK10	2120713712	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	9,5	Chín, năm	
5	Văn Lê Viết	Duy	28/05/1997	Đà Nẵng	K21PSUQTH1	2121117319	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,9	Tám, chín	
6	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	12/05/1995	Quảng Nam	K21NAB7	2120316799	ITA.39B				Cấm thi
7	Trần Hương	Giang	27/04/1997	Đà Nẵng	K21KKT4	2120253809	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
8	Trần Thị Trà	Giang	25/09/1997	Quảng Bình	K21KKT3	2120259696	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,3	Tám, Ba	
9	Phạm Thị Thanh	Hà	02/10/1997	Đà Nẵng		2120713605	ITA.39B				Cấm thi
10	Phạm Thị Thu	Hà	10/06/1997	Quảng Bình	K21DLK10	2120718514	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
11	Hồ Thị Thanh	Hiền	17/08/1997	Quảng Bình	K21KKT3	2120253806	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, năm	
12	Khuong Thị	Hoan	20/10/1996	Nghệ An	K21VHD	2020348142	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,9	Tám, chín	
13	Nguyễn Thị Mai	Hương	10/09/1996	hòa Thiên H	K21QTH5	2120219298	ITA.39B				Cấm thi
14	Đoàn Thị Vy	Huyền	27/06/1997	Quảng Trị	K21LAW8	2120348758	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám, 0	
15	Nguyễn Duy	Khoa	16/12/1997	Đà Nẵng		2121716772	ITA.39B				Cấm thi
16	Phạm Thị Mỹ	Linh	11/04/1995	Quảng Nam	K21DLK10	2120718651	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám, 0	
17	Trần Thị	Ly	05/05/1997	Quảng Trị	K21DLK9	2120325250	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,3	Tám, Ba	
18	Đặng Thị Cẩm	Nhung	29/12/1997	Đà Nẵng	K21DLK5	2120715754	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám, 0	
19	Ksor	Pond's	11/03/1997	Gia Lai	K21VLK6	2120866192	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	9,5	Chín, năm	
20	Nguyễn Đình	Quang	18/07/1997	Quảng Ngãi	K21VLK6	2121866194	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
21	Phạm Phước	Quy	05/01/1997	Gia Lai	K21VLK6	2121863967	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
22	Nguyễn Dương Ngọc	Quỳnh	16/02/1997	Đà Nẵng	K21VLK6	2120866197	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,9	Tám, chín	
23	Võ Thị Thu	Sương	15/06/1997	Quảng Nam	K21VLK6	2120863919	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
24	Phan Thị Thanh	Tâm	12/08/1997	Quảng Bình	K21KKT3	2120715817	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, năm	
25	Vũ Thiên Thảo	Tâm	11/07/1997	Kon Tum	K21VHD	2120347650	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám, 0	
26	Hồ Minh	Thắng	18/11/1997	Quảng Nam	K21VLK6	2121869204	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám, 0	
27	Nguyễn Ngọc	Thắng	03/06/1997	Đà Nẵng	K21DLK3	2121713688	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy, năm	

	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
28	Lê Trung	Thành	19/05/1995	Gia Lai	K21VLK6	2121868047	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	6,8	Sáu Tám	
29	Trần Trịnh Công	Thạnh	12/01/1997	Quảng Nam	K21VLK6	2121866214	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	7,3	Bảy Ba	
30	Huỳnh Phương Thảo	Tiên	12/01/1996	hừa Thiên H	K20YDH5	2020524257	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám Y	
31	Ngô Nguyễn Phước	Toàn	17/11/1996	Quảng Ngãi	K21QTH6	2121213410	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, năm	
32	Ngô Thị Xuân	Trang	21/02/1996	Đà Nẵng	K20KMT	2020634919	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín Y	
33	Nguyễn Thị Thùy	Trang	02/03/1996	Đắk Nông	K20YDH8	2020520567	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám Y	
34	Võ Thị Ngọc	Trang	24/07/1997	Quảng Nam	K21DLK11	2120248349	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,3	Tám Ba	
35	Hoàng Nữ Hà	Uyên	17/02/1996	Nghệ An	K21VHD	2120345180	ITA.39B				Cấm thi
36	Cao Thị Tường	Vi	29/08/1995	Quảng Nam	K21VLK6	2120866259	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,3	Tám, Ba	
37	Ngô Thị Tường	Vi	16/11/1997	Đà Nẵng	K21DLK10	2120716680	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,9	Tám Chín	
38	Lê Thị Hoàng	Vy	03/04/1995	Quảng Nam	K20YDH5	2020525940	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, năm	
39	Lý Thảo	Vy	11/10/1996	Đà Nẵng	K20DLK5	2020714894	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám Y	
40	Lê Thị Yên	Xong	04/10/1996	Quảng Ngãi	K21KKT3	2120259813	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, năm	
41	Lê Thanh	Hà	08/01/1997	Quảng Trị	K21QTH7	2120216979	ITA.38B	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám năm	Thi ghép
42	Nguyễn Thị Minh	Diệu	04/01/1994	Quảng Trị	K20YDH3	2020522873	ITA.51A	<i>[Signature]</i>	7,9	Bảy Chín	Thi ghép
43	Đỗ Hoài	Thi	17/06/1997	Quảng Ngãi	K21VLK6	2120866221	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, năm	Thi ghép
44											
45											
46											
47											
48											

Tổng số HV/Dự thi: 22.....

Vắng: 00.....

Cấm thi: 05

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT CƠ BẢN - KHÓA ITA.39B
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: A2

Thời gian: 17h45 - Ngày 29/9/2018 - Phòng máy 507/Tầng 7 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	Nguyễn Thị Vân Anh	21/03/1996	Đà Nẵng	K21KKT3	2120257265	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,5	Năm, Năm	
2	Nguyễn Thành Công	10/01/1997	TT Huế	K21PSUQTH1	2121217950	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	6,8	Sáu, Tám	
3	Nguyễn Tiến Diễm	12/01/1996	Quảng Bình	K21QTH6	2121219009	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,3	Năm, Ba	
4	Cao Thị Kim Dung	15/01/1997	Đà Nẵng	K21DLK10	2120713712	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
5	Vân Lê Viết Duy	28/05/1997	Đà Nẵng	K21PSUQTH1	2121117319	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	6,8	Sáu, Tám	
6	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12/05/1995	Quảng Nam	K21NAB7	2120316799	ITA.39B				Cấm thi
7	Trần Hương Giang	27/04/1997	Đà Nẵng	K21KKT4	2120253809	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
8	Trần Thị Trà Giang	25/09/1997	Quảng Bình	K21KKT3	2120259696	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
9	Phạm Thị Thanh Hà	02/10/1997	Đà Nẵng		2120713605	ITA.39B				Cấm thi
10	Phạm Thị Thu Hà	10/06/1997	Quảng Bình	K21DLK10	2120718514	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
11	Hồ Thị Thanh Hiền	17/08/1997	Quảng Bình	K21KKT3	2120253806	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,5	Năm, Năm	
12	Khương Thị Hoan	20/10/1996	Nghệ An	K21VHD	2020348142	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	4,5	Bốn, Năm	
13	Nguyễn Thị Mai Hương	10/09/1996	Huế Thiên H	K21QTH5	2120219298	ITA.39B				Cấm thi
14	Đoàn Thị Vy Huyền	27/06/1997	Quảng Trị	K21LAW8	2120348758	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	6,3	Sáu, Ba	
15	Nguyễn Duy Khoa	16/12/1997	Đà Nẵng		2121716772	ITA.39B				Cấm thi
16	Phạm Thị Mỹ Linh	11/04/1995	Quảng Nam	K21DLK10	2120718651	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
17	Trần Thị Ly	05/05/1997	Quảng Trị	K21DLK9	2120325250	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	4,5	Bốn, Năm	
18	Đặng Thị Cẩm Nhung	29/12/1997	Đà Nẵng	K21DLK5	2120715754	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	4,8	Bốn, Tám	
19	Ksor Pond's	11/03/1997	Gia Lai	K21VLK6	2120866192	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, Năm	
20	Nguyễn Đình Quang	18/07/1997	Quảng Ngãi	K21VLK6	2121866194	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,5	Năm, Năm	
21	Phạm Phước Quy	05/01/1997	Gia Lai	K21VLK6	2121863967	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,3	Năm, Ba	
22	Nguyễn Dương Ngọc Quỳnh	16/02/1997	Đà Nẵng	K21VLK6	2120866197	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
23	Võ Thị Thu Sương	15/06/1997	Quảng Nam	K21VLK6	2120863919	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	
24	Phan Thị Thanh Tâm	12/08/1997	Quảng Bình	K21KKT3	2120715817	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
25	Vũ Thiên Thảo Tâm	11/07/1997	Kon Tum	K21VHD	2120347650	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
26	Hồ Minh Thắng	18/11/1997	Quảng Nam	K21VLK6	2121869204	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	
27	Nguyễn Ngọc Thắng	03/06/1997	Đà Nẵng	K21DLK3	2121713688	ITA.39B	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	

	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
28	Lê Trung	Thành	19/05/1995	Gia Lai	K21VLK6	2121868047	ITA.39B		5,0	Năm	
29	Trần Trịnh Công	Thạnh	12/01/1997	Quảng Nam	K21VLK6	2121866214	ITA.39B		5,0	Năm	
30	Huỳnh Phương Thảo	Tiên	12/01/1996	hòa Thiên H	K20YDH5	2020524257	ITA.39B		6,5	Sau, Năm	
31	Ngô Nguyễn Phước	Toàn	17/11/1996	Quảng Ngãi	K21QTH6	2121213410	ITA.39B		7,3	Bay, Ba	
32	Ngô Thị Xuân	Trang	21/02/1996	Đà Nẵng	K20KMT	2020634919	ITA.39B		6,0	Sau, y	
33	Nguyễn Thị Thùy	Trang	02/03/1996	Đắk Nông	K20YDH8	2020520567	ITA.39B		6,0	Sau, y	
34	Võ Thị Ngọc	Trang	24/07/1997	Quảng Nam	K21DLK11	2120248349	ITA.39B		5,8	Năm	
35	Hoàng Nữ Hà	Uyên	17/02/1996	Nghệ An	K21VHD	2120345180	ITA.39B				Cám thi
36	Cao Thị Tường	Vi	29/08/1995	Quảng Nam	K21VLK6	2120866259	ITA.39B		5,3	Năm, Ba	
37	Ngô Thị Tường	Vi	16/11/1997	Đà Nẵng	K21DLK10	2120716680	ITA.39B		6,5	Sau, Năm	
38	Lê Thị Hoàng	Vy	03/04/1995	Quảng Nam	K20YDH5	2020525940	ITA.39B		7,3	Bay, Ba	
39	Lý Thảo	Vy	11/10/1996	Đà Nẵng	K20DLK5	2020714894	ITA.39B		6,5	Sau, Năm	
40	Lê Thị Yên	Xong	04/10/1996	Quảng Ngãi	K21KKT3	2120259813	ITA.39B		5,0	Năm	
41	Lê Thanh	Hà	08/01/1997	Quảng Trị	K21QTH7	2120216979	ITA.38B		6,3	Sau, Ba	Thi ghép
42	Nguyễn Thị Minh	Diệu	04/01/1994	Quảng Trị	K20YDH3	2020522873	ITA.51A		5,0	Năm	Thi ghép
43	Đỗ Hoài	Thị	17/06/1997	Quảng Ngãi	K21VLK6	2120866221	ITA.53A		6,8	Sau, Năm	Thi ghép
44											
45											
46											
47											
48											

Tổng số HV/Dự thi: 32....

Vắng: ...

Cám thi: 05